

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/DS-ST
Ngày: 21-5-2024
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 746/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Phương B (Hồ Hoàng B1), sinh năm: 1978.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh ngày 16/02/1956. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn L1, sinh ngày 09/9/1967. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo uỷ quyền của ông L1: Bà Võ Cẩm C (Võ Hồng C1).

- Bà Võ Cẩm C (Võ Hồng C1), sinh ngày 10/4/1978. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2023 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa thể hiện:

Ông B1 có tham gia hui do bà C và ông L1 làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Mở ngày 09/10/2019a, hui 3.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, tất

cả có 37 phần, ông B1 tham gia 01 phần (số thứ tự 30), góp hội được 21 lần thì bà C tuyên bố đình hội, không xác định được số tiền góp vào, đối với dây hội này yêu cầu bà C, ông L1 trả số tiền 63.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Mở ngày 15/4/2020a1, hội 3.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, tất cả có 51 phần, ông B1 tham gia 01 phần (số thứ tự 28), góp hội được 15 lần thì bà C tuyên bố đình hội, không xác định được số tiền góp vào, đối với dây hội này yêu cầu bà C, ông L1 trả số tiền 45.000.000 đồng.

Tổng 02 dây hội ông L1, bà C còn nợ ông B1 108.000.000 đồng, sau đó có thanh toán được 9.000.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu ông L1, bà C trả cho ông B1 số tiền 99.000.000 đồng.

Sau khi đình hội, giữa bà C và ông B1 chốt lại số tiền hội bà C còn nợ lại đối với 02 dây hội nêu trên là 56.320.000 đồng, nhưng sau khi chốt bà C không thực hiện việc trả nợ nên ông B1 không thống nhất việc bà C, ông L1 chỉ có trách nhiệm thanh toán số tiền ông B2 đã góp vào.

Bị đơn là bà Võ Cẩm C trình bày:

Tên bà là Võ Cẩm C thường gọi là Võ Hồng C1. Bà và chồng là Nguyễn Văn L1 có mở hội, ông B1 có tham gia 02 dây hội ngày 09/10/2019a1, ngày 15/4/2020a1 như bà L đã trình bày.

Sau khi đình hội, giữa bà C và ông B1 chốt lại số tiền hội bà C còn nợ lại đối với 02 dây hội nêu trên là 56.320.000 đồng, ông B1 đồng ý nhận số tiền góp vào nên bà C có thanh toán cho ông B1 số tiền 9.000.000 đồng. Nay bà đồng ý thanh toán cho ông B1 số tiền còn lại là 56.320.000 đồng – 9.000.000 đồng = 47.320.000 đồng.

Ngày 15/4/2024, bà Võ Cẩm C có yêu cầu phải tố, yêu cầu ông B1 trả cho bà C 3.000.000 đồng đối với dây hội ông B1 tham gia vào tháng 6/2021 và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 3.060.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Hồ Phương B và ông Nguyễn Văn L1, bà Võ Cẩm C là tranh chấp hội. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng điều tại huyện T nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ông B có tham gia hội do bà C và ông L1 làm chủ hội, cụ thể như sau: Dây hội mở ngày 09/10/2019a1, hội 3.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, tất cả có 37 phần, ông B tham gia 01 phần, góp hội được 21 lần. Dây hội mở ngày 15/4/2020a1, hội 3.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, tất cả có 51 phần, ông B tham gia 01 phần, góp hội được 15 lần.

Nguyên đơn yêu cầu, đây hội mở ngày 09/10/2019a, hội 3.000.000 đồng x 21 lần yêu cầu bà C, ông L1 trả số tiền 63.000.000 đồng. Đây hội mở ngày 15/4/2020a, hội 3.000.000 đồng x 01 phần x 15 lần = 45.000.000 đồng. Đối trừ số tiền đã thanh toán là 9.000.000 đồng, ông L1, bà C phải thanh toán số tiền 99.000.000 đồng. Về phía bị đơn, sau khi đình hội, giữa bà C và ông B chốt lại số tiền hội bà C còn nợ lại đối với 02 đây hội nêu trên là 56.320.000 đồng, ông B đồng ý nhận số tiền góp vào nên bà C có thanh toán cho ông B số tiền 9.000.000 đồng. Nay bà đồng ý thanh toán cho ông B số tiền còn lại là 56.320.000 đồng – 9.000.000 đồng = 47.320.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Phía nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về diễn biến giao dịch hội. Thống nhất sau khi đình hội, giữa bà C và ông B chốt lại số tiền hội bà C còn nợ lại đối với 02 đây hội nêu trên là 56.320.000 đồng. Như vậy, cho thấy giữa ông B và bà C đã thống nhất với nhau về số tiền mà ông B phải thanh toán cho bà C là 56.320.000 đồng. Sau đó bà C có trả cho ông B số tiền 9.000.000 đồng. Do đó, buộc bà C, ông L1 phải trả cho ông B số tiền còn lại là 47.320.000 đồng là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bà Võ Cẩm C, yêu cầu ông B trả cho bà C 3.000.000 đồng đối với đây hội ông B tham gia vào tháng 6/2021 và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 3.060.000 đồng. Yêu cầu của bà C đối với ông B ở đây hội khác nội dung khởi kiện ban đầu. Đồng thời, yêu cầu được đặt ra sau phiên công khai chứng cứ nên hội đồng xét xử không xem xét, đương sự có thể khởi kiện giải quyết nội dung tranh chấp này bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bà C, ông L1 phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;
- Căn cứ Điều 147, điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Phương B. Buộc bà Võ Cẩm C và ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Phương B số tiền 47.320.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu ba trăm hai chục ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Phương B về việc buộc bà Võ Cẩm C, ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Phương B số tiền 51.680.000 đồng (Năm mươi một triệu sáu trăm tám chục ngàn đồng).

3. Về án phí: Bà Võ Cẩm C, ông Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.366.000 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), chưa nộp. Ông Hồ Phương B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.584.000 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng), ông Hồ Phương B có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0007364 ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, ông B được nhận lại số tiền 41.000 đồng (bốn mươi một ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Huệ